

CHỦ NGHĨA MARX VỚI VIỆC XÂY DỰNG NỀN VĂN MINH
SINH THÁI VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN SỐ HIỆN NAY

MARXISM AND THE DEVELOPMENT
OF ECOLOGICAL CIVILIZATION IN VIETNAM IN THE DIGITAL AGE

TRẦN THỊ HÀ GIANG^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 03-9-2025 Ngày biên tập xong: 10-11-2025 Ngày duyệt đăng: 30-11-2025 Mã số: TCKH54-15-2025 ISSN: 2525 – 2429 Từ khóa: chủ nghĩa Marx; văn minh sinh thái; kỷ nguyên số; phát triển bền vững; xã hội số; Việt Nam. Key words: Marxism; ecological civilization; digital age; sustainable development; digital society; Vietnam.	Mục đích của bài viết là làm rõ và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Marx về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên vào quá trình xây dựng nền văn minh sinh thái Việt Nam trong kỷ nguyên số hiện nay. Cơ sở lý luận của nghiên cứu xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Marx về mối quan hệ biện chứng giữa con người và tự nhiên, coi con người là một bộ phận của giới tự nhiên và chỉ có thể tồn tại, phát triển thông qua lao động sản xuất, đồng thời phê phán sâu sắc phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vì đặt lợi nhuận và giá trị thặng dư lên hàng đầu, làm phá vỡ sự cân bằng tự nhiên và dẫn đến sự tha hóa của con người. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc xây dựng nền văn minh sinh thái ở Việt Nam cần gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế xanh, bảo vệ môi trường và phát triển con người; đồng thời vận dụng các thành tựu của khoa học – công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên, phát triển năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn và hình thành đạo đức sinh thái, qua đó hướng tới phát triển bền vững trong kỷ nguyên số. ABSTRACT: The purpose of this paper is to clarify and apply Marxism to the relationship between humans and nature in the process of developing an ecological civilization in Vietnam in the current digital age. The theoretical foundation of the study is based on Marx's view of the dialectical relationship between humans and nature, in which humans are an integral part of nature and can only exist and develop through productive labor, while simultaneously critically examining the capitalist mode of production for prioritizing profit and surplus value, thereby disrupting the natural balance and leading to human alienation. The results indicate that building an ecological civilization in Vietnam requires harmonizing green economic growth, environmental

^(*) TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, giangtth@hnue.edu.vn

protection, and human development, while simultaneously applying scientific and technological advancements and digital transformation in resource management, renewable energy development, the circular economy, and the cultivation of ecological ethics, thereby promoting sustainable development in the digital age.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường và khủng hoảng sinh thái toàn cầu đang trở thành những thách thức cấp bách, đe dọa trực tiếp sự phát triển bền vững của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nhanh chóng, khai thác tài nguyên chưa bền vững, ô nhiễm môi trường và sự suy giảm đa dạng sinh học đang làm trầm trọng thêm mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên. Trong bối cảnh này, việc vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Marx về mối quan hệ biện chứng giữa con người và tự nhiên trở nên cấp thiết; chỉ khi nhận thức và điều chỉnh đúng đắn mối quan hệ giữa con người và tự nhiên theo quan điểm duy vật biện chứng của chủ nghĩa Marx, các chiến lược phát triển kinh tế mới có thể hài hòa với bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội, đồng thời ngăn ngừa tha hóa con người và khủng hoảng sinh thái do phương thức sản xuất không bền vững gây ra.

Mặt khác, trong kỷ nguyên số hiện nay, việc khai thác các thành tựu khoa học – công nghệ trở thành một vấn đề cấp thiết đối với việc xây dựng nền văn minh sinh thái. Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và công nghệ số đặt ra yêu cầu phải nhận thức rõ tiềm năng cũng như những thách thức trong quản lý tài nguyên, giám sát môi trường và dự báo biến đổi khí hậu. Đồng thời, việc định hướng áp dụng công nghệ xanh, năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn trở thành vấn đề cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để

vừa tận dụng cơ hội, vừa hạn chế các tác động tiêu cực, nhằm hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Marx về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

2.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Marx về tự nhiên

Theo tư tưởng của Marx, tự nhiên không phải là một thực thể siêu hình tồn tại biệt lập với con người, mà là điều kiện vật chất tất yếu cho đời sống xã hội. Marx xem “*giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người*”, “*thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại*” [5, tr.135] vì sự tồn tại và tái tạo đời sống của con người phụ thuộc vào quá trình trao đổi vật chất liên tục với tự nhiên. Quan điểm này thể hiện rõ nét cách tiếp cận duy vật biện chứng, trong đó con người và tự nhiên hòa hợp trong một chỉnh thể, gắn kết mật thiết thông qua lao động.

Khác với các quan niệm duy tâm vốn cho rằng tự nhiên là một thực thể tách biệt và đối lập với con người, Marx nhấn mạnh rằng bản chất xã hội của con người chỉ có thể được khẳng định qua sự cải biến tự nhiên. Theo ông, “*Lao động trước hết là một quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên, một quá trình trong đó, bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên*” [4, tr.266-267]. Chính nhờ lao động mà con người vươn lên vị thế chủ thể xã hội, đồng thời cũng làm thay đổi diện mạo của tự nhiên một cách sâu

sắc. Tuy vậy, Marx không xem sự thay đổi của tự nhiên như một hành vi mang tính áp chế hoàn toàn, mà nhìn nhận nó trong hệ quy chiếu của quá trình trao đổi chất (Stoffwechsel). Tự nhiên, với vai trò cung cấp các điều kiện cần thiết, đóng vai trò nền tảng cho con người có thể tương tác thông qua hoạt động lao động, từ đó tác động ngược trở lại lên tự nhiên. Kết quả thu được từ chu trình này không chỉ phục vụ cho việc duy trì mà còn đóng góp vào sự phát triển của đời sống xã hội. Đây chính là sự biểu hiện rõ nét của tính biện chứng trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, nơi cả hai tồn tại trong trạng thái vừa gắn bó mật thiết, vừa chứa đựng sự đối lập tiềm ẩn có thể nảy sinh nếu con người phá vỡ sự cân bằng tự nhiên vốn có.

2.1.2. Sự phê phán vấn đề tha hóa sinh thái

Marx không chỉ dừng lại ở việc trình bày mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trên phương diện triết học mà còn đi sâu phân tích nó trong bối cảnh lịch sử và xã hội cụ thể. Trong bộ *Tư bản*, Marx đã luận giải và phê phán một cách sâu sắc bản chất của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cho rằng việc đặt mục tiêu giá trị thặng dư lên hàng đầu đã dẫn đến sự tha hóa trong quan hệ giữa con người và tự nhiên. Để đạt được mục tiêu này, các nhà tư bản thường không ngần ngại bóc lột tài nguyên thiên nhiên đến mức cạn kiệt và vắt kiệt sức lao động của con người, coi đây như phương tiện phục vụ lợi nhuận.

Theo Marx, phương thức sản xuất này đã dẫn đến trạng thái mất cân bằng sâu sắc xảy ra giữa hoạt động của con người và hệ sinh thái. Còn Engels nhấn mạnh, con người không nên xem giới tự nhiên như một nguồn tài nguyên vô tận để khai thác mà chỉ nhắm vào những lợi ích trước mắt. Việc khai thác theo kiểu “tước đoạt” này sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, khiến con người phải đối mặt với sự trả thù khắc nghiệt từ tự nhiên. Hệ quả nghiêm trọng của tình trạng này không chỉ dừng lại ở việc đất đai bị suy thoái nghiêm trọng do những hình thức canh tác công nghiệp cường

độ cao mà còn kéo theo những vấn đề như ô nhiễm môi trường từ các hoạt động sản xuất quy mô lớn. Đáng lo ngại hơn nữa, sự phát triển vượt bậc của khoa học và kỹ thuật, thay vì phục vụ những lợi ích lâu dài cho con người và tự nhiên, lại bị chi phối bởi mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn, gây ra những hậu quả khó lường cho cả hệ sinh thái và xã hội. Vì vậy, con người phải “*Nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng những quy luật đó một cách chính xác*” [3, tr.655].

Phân tích độc đáo của các nhà kinh điển chủ nghĩa Marx tạo ra một góc nhìn sâu sắc khi coi mối liên kết giữa sự tha hóa lao động và sự tha hóa sinh thái là không thể tách rời. Marx từng nhấn mạnh “*Lao động bị tha hóa làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất nhân loại của con người trở thành xa lạ với con người*” [2, tr.138] có nghĩa rằng khi người lao động bị tách biệt khỏi sản phẩm mình tạo ra, thì đồng thời xã hội cũng tự đẩy xa khỏi nền tảng tự nhiên - yếu tố cốt lõi để duy trì sự sống và phát triển bền vững. Hiểu theo nghĩa khác, quá trình tha hóa kinh tế - xã hội và tha hóa sinh thái là những biểu hiện của cùng một hệ thống vận hành dưới sự kiểm soát và chi phối của chủ nghĩa tư bản.

Những tư tưởng này mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thế kỷ XXI, nơi mà các cuộc khủng hoảng toàn cầu như biến đổi khí hậu, sự cạn kiệt nguồn năng lượng và ô nhiễm môi trường đã và đang đặt nhân loại trước những thách thức chưa từng có. Chúng được biểu hiện rõ qua các hiện tượng mất cân bằng sinh thái nghiêm trọng, lấn sâu vào bản chất hệ thống tự nhiên và đe dọa đến sự tồn tại lâu dài của các thế hệ tương lai. Việc này không chỉ là bài toán sinh thái mà còn là lời cảnh báo về tác động xuyên biên giới của chủ nghĩa tư bản đối với hành tinh này.

2.1.3. Gợi mở từ chủ nghĩa Marx cho nền văn minh sinh thái

Mặc dù chưa xuất hiện điều kiện lịch sử để trực tiếp đưa ra khái niệm văn minh sinh thái,

nhưng trong toàn bộ cấu trúc lý luận của Marx và Engels đã tiềm ẩn nhiều yếu tố định hướng cho việc phát triển mô hình này. Trước hết, Marx nhấn mạnh rằng trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, các hoạt động sản xuất vật chất sẽ không còn chịu sự chi phối bởi mục tiêu lợi nhuận, mà tập trung phục vụ nhu cầu phát triển toàn diện của con người. Đồng thời, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được chuyển đổi một cách căn bản, đạt đến trạng thái hài hòa: *“Giới tự nhiên - cụ thể là cái giới tự nhiên trong chừng mực bản thân nó không phải là thân thể của con người - là thân thể vô cơ của con người. Con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là thân thể của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên”* [5, tr.135]. Qua đây, cũng giúp cho chúng ta có thêm những gợi mở sâu sắc về sự liên kết giữa xã hội và môi trường sống trong tương lai.

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Engels đã nhấn mạnh rằng mọi sự can thiệp của con người vào tự nhiên đều phải tôn trọng các quy luật khách quan vốn có của nó. Ông cảnh báo rằng nếu con người hành động một cách mù quáng, thì hậu quả sẽ là những tổn thất không thể lường trước: *“Chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của mình đối với giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi là một lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà mình hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được - những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó... Chúng ta phải học hỏi để ngày càng*

hiểu được một cách chính xác hơn những quy luật đó và biết được những hậu quả gần gũi cũng như xa xôi của những sự can thiệp tích cực của chúng ta vào tiến trình vận động và phát triển bình thường của các sự vật trong giới tự nhiên” [3, tr.654-655]. Lời cảnh báo này, được Engels viết từ cuối thế kỷ XIX, giờ đây càng chứng minh tính đúng đắn khi nhân loại đang đối mặt với những hệ quả nghiêm trọng từ sự phát triển công nghiệp thiếu kiểm soát. Những vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, và sự suy kiệt tài nguyên là minh chứng rõ ràng nhất cho sự trả thù của tự nhiên trước những hành vi bất cẩn của con người đối với môi trường sinh thái.

Từ các luận điểm được nêu trên, có thể nhận thấy chủ nghĩa Marx đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền móng lý luận cho quan niệm về nền văn minh sinh thái. Đây là kiểu xã hội - nơi sự phát triển của con người được gắn kết chặt chẽ và thống nhất biện chứng với việc bảo vệ tự nhiên, môi trường sinh thái. Cách tiếp cận này chính là nền tảng tư tưởng có ý nghĩa chiến lược, giúp các quốc gia theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bao gồm Việt Nam, xây dựng chiến lược phát triển bền vững thích nghi với những yêu cầu và thách thức của kỷ nguyên số.

2.2. Khái niệm về nền văn minh sinh thái và yêu cầu của nó trong kỷ nguyên số

2.2.1. Khái niệm nền văn minh sinh thái

Khái niệm “nền văn minh sinh thái” (Ecological Civilization) bắt nguồn từ nửa sau thế kỷ XX, nổi lên trong các cuộc thảo luận thuộc lĩnh vực triết học và xã hội học tại phương Tây. Tuy nhiên, nó chỉ thực sự được định hình một cách hệ thống và lan tỏa rộng rãi khi Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức đưa vào các văn kiện chính trị tại Đại hội XVII năm 2007. Trong những văn kiện này, văn minh sinh thái được xác định là một trong năm trụ cột chính của chiến lược phát triển quốc gia, bên cạnh các lĩnh vực văn minh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Đến Hội nghị TƯ lần thứ

3 Ban Chấp hành khóa XVIII vào năm 2013, Trung Quốc tiếp tục nhấn mạnh rằng “hiện đại hóa Trung Quốc là hiện đại hóa dựa trên sự chung sống hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Việc hoàn thiện khuôn khổ thể chế cho văn minh sinh thái, phối hợp các nỗ lực giảm phát thải carbon, giảm ô nhiễm, mở rộng không gian xanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống và cơ chế thực hiện quan điểm “*nước trong, núi xanh là tài sản vô giá*” là hết sức cấp thiết” [12].

Quan niệm phổ biến trong lý luận của Trung Quốc, văn minh sinh thái được xem như một mô hình văn minh mới, nơi con người hướng tới sự hài hòa trong mối quan hệ với tự nhiên, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế song hành cùng việc bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, xã hội vận hành dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng giữa các thế hệ. Mặc dù khái niệm này được phát triển trong bối cảnh Trung Quốc phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng môi trường nghiêm trọng, nhưng nội dung của nó có nhiều điểm giao thoa với các định hướng về phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, cũng như chiến lược “tăng trưởng xanh” mà Việt Nam đang thực hiện.

Ở Việt Nam, nhiều lần Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh rằng phát triển bền vững cần phải gắn liền chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Tại Đại hội XIII Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định “*Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh*” [1, tr.116]. Mặc dù Việt Nam chưa sử dụng trực tiếp thuật ngữ “văn minh sinh thái” giống như Trung Quốc, nhưng rõ ràng tư tưởng này đã được tích hợp vào chiến lược phát triển của quốc gia, dựa trên tinh thần xã hội chủ nghĩa và hướng tới phát triển bền vững.

2.2.2. Đặc trưng của nền văn minh sinh thái

Nghiên cứu so sánh chỉ ra rằng nền văn minh sinh thái mang nhiều điểm khác biệt so

với các hình thái văn minh trước đây như văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, hay văn minh hậu công nghiệp. Điều làm nên sự khác biệt này chính là cách nền văn minh sinh thái xem trọng mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, lấy đó làm tiêu chí cốt lõi cho sự phát triển. Có thể nhận diện ba đặc trưng cơ bản của nền văn minh này.

Thứ nhất, chính là tập trung vào con người, nhưng không tuyệt đối hóa nhu cầu của họ. Nền văn minh sinh thái không phủ nhận vai trò chủ thể của con người trong quá trình phát triển, nhưng lại đặt trọng tâm vào việc duy trì sự hài hòa giữa sự phát triển ấy và giới hạn chịu đựng của hệ sinh thái. Đây là một điểm khác biệt lớn so với cách tiếp cận truyền thống của công nghiệp hóa, vốn nhấn mạnh việc “chinh phục tự nhiên” hơn là tồn tại hòa hợp với nó, như chính Engels đã từng cảnh báo.

Thứ hai, cần coi công bằng giữa các thế hệ như một nguyên tắc đạo đức cơ bản. Văn minh sinh thái nhấn mạnh trách nhiệm của thế hệ hiện tại đối với các thế hệ tương lai, đồng thời phù hợp với nguyên tắc “*Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai.*” (Sustainable development is development that meets the needs of the present without compromising the ability of future generations to meet their own needs)” [11] mà Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới của Liên Hợp Quốc (WCED), do bà Gro Harlem Brundtland (nguyên Thủ tướng Na Uy) làm chủ tịch 1987 công bố báo cáo “*Tương lai chung của chúng ta*”, và được nhất trí đa phương bởi Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển - Rio 1992. Điều này ngụ ý rằng sự phát triển ngày hôm nay không thể đánh đổi bằng việc làm cạn kiệt nguồn tài nguyên hoặc gây ô nhiễm môi trường, để lại hậu quả dài lâu cho thế hệ mai sau.

Thứ ba, việc ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại đóng vai trò như một công cụ đa

năng. Văn minh sinh thái không bác bỏ giá trị của sự phát triển khoa học, công nghệ, mà nhấn mạnh cần định hướng các công nghệ này để đáp ứng đồng thời hai mục tiêu: tăng năng suất và giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Đây cũng chính là xu thế toàn cầu hiện nay, thể hiện qua các mô hình như “kinh tế xanh”, “*kinh tế tuần hoàn*” và “*công nghiệp 4.0 xanh*” [6]. Kinh tế tuần hoàn được xem là một giải pháp chiến lược nhằm hướng nền kinh tế đến mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Việt Nam trong giai đoạn 2021–2030. Trước sự chuyển biến mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, lĩnh vực này tại Việt Nam đã nhận được nhiều triển vọng phát triển tích cực. Tuy nhiên, quá trình hiện thực hóa kinh tế tuần hoàn vẫn đối mặt với không ít thách thức, tạo nên những rào cản đáng kể đối với sự tăng trưởng và triển khai mô hình này một cách hiệu quả.

2.2.3. Cơ hội và thách thức đặt ra trong kỷ nguyên số

Kỷ nguyên số, gắn liền với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0), đã mang lại những điều kiện hoàn toàn mới để hiện thực hóa một nền văn minh sinh thái. Tuy nhiên, những cơ hội và thách thức đi kèm với thời kỳ này chứa đựng sự đối lập rõ nét, vừa mở ra tiềm năng phát triển, vừa đặt con người trước những vấn đề cần giải quyết.

Trước hết, xét về mặt cơ hội, các công nghệ số như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và blockchain đều đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy mạnh khả năng giám sát và quản lý môi trường theo thời gian thực. Lấy ví dụ, hệ thống cảm biến thông minh có khả năng theo dõi và phân tích chất lượng không khí, nước và đất một cách chính xác; công nghệ trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ dự báo các hiện tượng biến đổi khí hậu và thiên tai với độ chính xác cao hơn; trong khi đó, blockchain đảm bảo tính minh bạch

trong các chuỗi cung ứng hướng đến mục tiêu “xanh” và bền vững. Ngoài ra, năng lượng tái tạo như gió, mặt trời hay hydro xanh cũng được tối ưu hóa bởi công nghệ số, từ đó góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế giảm phát thải carbon và hướng tới một tương lai bền vững hơn. Tại Việt Nam, các chương trình như *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030* đã nhấn mạnh “*ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng xanh, bền vững, xây dựng lối sống xanh, đảm bảo quá trình chuyển đổi xanh theo nguyên tắc, bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế*” [9].

Xét về mặt thách thức thì sự phát triển của công nghệ số không chỉ mang lại những lợi ích to lớn mà còn đặt ra nhiều thách thức đầy khó khăn. Một trong những vấn đề nổi bật là sự gia tăng rác thải điện tử (e-waste)—loại rác thải cực kỳ nguy hại do chứa lượng lớn kim loại nặng và hóa chất độc hại. Báo cáo của Liên Hợp Quốc cho biết vào năm 2021, thế giới đã thải ra hơn 57 triệu tấn rác điện tử [10], và con số này được dự đoán sẽ tiếp tục tăng nhanh trong các năm tới.

Thách thức tiếp theo xuất hiện từ nhu cầu tiêu thụ năng lượng khổng lồ của các trung tâm dữ liệu và hệ thống blockchain, làm trầm trọng thêm tình trạng phát thải khí nhà kính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngoài ra, sự bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận công nghệ số (Digital Divide) vẫn là một vấn đề nhức nhối. Hàng loạt quốc gia và cộng đồng vẫn không thể khai thác hết tiềm năng mà công nghệ mang lại, dẫn đến nguy cơ tạo ra khoảng cách phát triển ngày càng rộng giữa các khu vực và nhóm dân cư.

Việc kiến tạo nền văn minh sinh thái trong bối cảnh kỷ nguyên số đặt ra yêu cầu về một chiến lược toàn diện, kết hợp giữa việc tận dụng hiệu quả lợi ích mà công nghệ mang lại với khả năng kiểm soát những hệ lụy môi trường và xã

hội có thể phát sinh. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nơi quá trình số hóa diễn ra với tốc độ cao nhưng đồng thời cũng đối mặt với thách thức về năng lực quản lý và nguồn lực cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững.

2.3. Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Marx về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong xây dựng nền văn minh sinh thái Việt Nam hiện nay

2.3.1. Nhận diện những vấn đề sinh thái ở Việt Nam

Việt Nam hiện được xem là một trong năm quốc gia chịu tác động nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo báo cáo từ Ngân hàng Thế giới, “100 triệu người dân Việt Nam thuộc nhóm dễ bị tổn thương nhất trên thế giới trước tác động của khí hậu đang phải đối mặt với nhiều rủi ro dọc theo bờ biển dài 3.260 km và các vùng trũng thấp rộng lớn của đất nước” [8]. Không chỉ phải đối mặt với thách thức từ biến đổi khí hậu, Việt Nam còn đang chống chọi với hàng loạt vấn đề môi trường liên quan đến đô thị và công nghiệp. Tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, hai thành phố lớn thường xuyên lọt vào danh sách khu vực có mức ô nhiễm không khí nghiêm trọng nhất Đông Nam Á, với chỉ số AQI nhiều ngày vượt xa ngưỡng an toàn mà Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến nghị [7]. Bên cạnh đó, tình trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên không kiểm soát, nạn phá rừng tràn lan và sự suy giảm đa dạng sinh học vẫn tiếp tục diễn ra, làm gia tăng nguy cơ mất cân bằng hệ sinh thái trong dài hạn.

Dưới góc độ triết học Marx, các hiện tượng trên thể hiện rõ mâu thuẫn giữa tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nhanh chóng trong phát triển kinh tế và những giới hạn vốn có của hệ sinh thái tự nhiên. Nếu không được điều chỉnh một cách kịp thời, những mâu thuẫn này có nguy cơ dẫn đến mất cân bằng môi trường sinh thái nhân văn. Vì vậy, việc nhận

diện chính xác thực trạng của môi trường sinh thái không chỉ là nhiệm vụ cấp bách mà còn đóng vai trò nền tảng trong quá trình đổi mới tư duy phát triển ở Việt Nam theo hướng sinh thái và bền vững.

2.3.2. Chủ nghĩa Marx và định hướng chính sách sinh thái của Việt Nam

Dựa trên nền tảng chủ nghĩa Marx – Lenin, Việt Nam kiên định theo đuổi con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời áp dụng linh hoạt những thành tựu của khoa học – công nghệ hiện đại để đáp ứng các đòi hỏi ngày càng cao của thời đại. Tư tưởng cốt lõi của Marx về sự cân bằng giữa con người và tự nhiên được thể hiện một cách rõ nét trong chiến lược phát triển bền vững mà Đảng và Nhà nước đề ra.

Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “*Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*” [1, tr.214], “*Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau*” [1, tr.145-146]. Điều này cho thấy quan điểm phát triển của Việt Nam không chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh tế mà còn coi trọng các yếu tố môi trường và xã hội, đúng với tinh thần “phát triển toàn diện” mà Marx và Engels đã vạch ra trong tư tưởng về chủ nghĩa cộng sản.

Các chiến lược quốc gia như *Chiến lược Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030* hay *Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050* đều nhấn mạnh đến việc tái cấu trúc nền kinh tế gắn với mục tiêu sinh thái. Điều này thể hiện sự kế thừa, phát triển tư tưởng Marxist trong bối cảnh hiện tại: Tập trung tái cấu trúc nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình phát triển, giảm phát thải khí nhà kính qua việc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và tài nguyên dựa trên khoa học công nghệ. Ứng dụng công nghệ số, phát triển hạ tầng bền vững và xây dựng lối sống xanh, đảm bảo chuyển đổi xanh công bằng và bao trùm,

nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế.

2.3.3. Vai trò của công nghệ số trong hiện thực hóa văn minh sinh thái

Trong kỷ nguyên nay, công nghệ không chỉ đơn thuần là phương tiện để cải thiện hiệu suất công việc, mà còn trở thành “cơ sở hạ tầng thông minh” cho việc phát triển văn minh sinh thái. Ở Việt Nam, việc chuyển đổi số đang tạo ra rất nhiều cơ hội mới:

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data): Những hệ thống dự báo khí hậu, cảnh báo thiên tai và quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa trên AI đang nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khởi động một số dự án thí điểm sử dụng AI để dự đoán lũ lụt và xâm nhập mặn tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Chính phủ điện tử và kinh tế số: Việc chuyển đổi số trong các dịch vụ công không chỉ giúp giảm chi phí cho xã hội mà còn tiết kiệm giấy và giảm khí thải nhà kính. Ngoài ra, nền kinh tế số tối ưu hóa logistics, thương mại và tiêu dùng, từ đó giảm thiểu năng lượng lãng phí.

Đô thị thông minh và nông nghiệp số: Một số tỉnh như Đà Nẵng và Bình Dương đã áp dụng mô hình “thành phố thông minh” với hệ thống quản lý năng lượng và giao thông thông minh, góp phần giảm tắc nghẽn và ô nhiễm. Trong nông nghiệp, việc ứng dụng IoT và công nghệ số vào sản xuất giúp nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đất và nước, giảm sử dụng phân bón hóa học, hướng tới mô hình “nông nghiệp sinh thái số”.

Những ứng dụng đó chứng minh rằng công nghệ số có thể trở thành cầu nối giữa mục tiêu phát triển kinh tế và yêu cầu bảo vệ môi trường – phù hợp với tinh thần mà Marx nhấn mạnh về sự phát triển của lực lượng sản xuất cần phải đi đôi với việc tái sản xuất các điều kiện sinh tồn của con người và tự nhiên.

2.3.4. Tính tất yếu của việc phát triển nền văn minh sinh thái ở Việt Nam

Từ những phân tích vừa nêu, có thể khẳng định rằng con đường xây dựng nền văn minh sinh thái ở Việt Nam là điều tất yếu và khách quan. Xuất phát từ nhu cầu tồn tại để đối phó với những thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu. Con đường này còn phản ánh sự lựa chọn đúng đắn cho bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam hướng tới. Việc áp dụng tư tưởng của Marx về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên giúp Việt Nam tránh được sự tụt hậu của nền kinh tế khi mà lợi nhuận được đặt lên trên môi trường và công bằng xã hội. Ngược lại, thông qua việc kết hợp lý thuyết của Marx với thực tiễn đổi mới và công nghệ số, Việt Nam đang từng bước xây dựng một mô hình có thể gọi là “sinh thái xã hội chủ nghĩa”.

Mô hình này không chỉ có ảnh hưởng đến sự phát triển trong nước mà còn góp phần vào tư duy lý luận toàn cầu về đa dạng con đường hiện đại hóa. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang tìm kiếm giải pháp để thoát khỏi khủng hoảng sinh thái, kinh nghiệm của Việt Nam có thể trở thành một minh chứng cho khả năng kết hợp tư tưởng của Marx với sự phát triển xanh và chuyển đổi số.

3. KẾT LUẬN

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Marx, bài viết đã làm rõ mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, từ đó vận dụng vào xây dựng nền văn minh sinh thái Việt Nam trong kỷ nguyên số hiện nay. Trong bài viết này, con người luôn được nhấn mạnh là một bộ phận của tự nhiên và chỉ có thể tồn tại, phát triển thông qua lao động sản xuất, trong khi việc đặt lợi nhuận lên trên sự cân bằng sinh thái sẽ dẫn đến tha hóa con người và khủng hoảng môi trường. Do đó, việc xây dựng nền văn minh sinh thái ở Việt Nam cần gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế xanh, bảo vệ môi trường và phát triển con người; thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo; đồng thời vận dụng các thành tựu khoa học – công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý tài nguyên, giám sát môi trường, phát triển

đô thị thông minh và nông nghiệp sinh thái số. Những giải pháp này thể hiện tính khả thi của việc vận dụng chủ nghĩa Marx vào thực tiễn, đồng thời

định hướng một xã hội số nhân văn và sinh thái, thích ứng với thách thức biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2] C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
- [3] C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6] Lương Nguyệt Ánh (2023), *Phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0: cơ hội và thách thức*, <https://tapchicongthuong.vn/phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-tai-viet-nam-trong-boi-canhh-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-4-0--co-hoi-va-thach-thuc-104015.htm>, ngày truy cập: 01-08-2025.
- [7] Sơn Bách (2025), *Hôm nay, Hà Nội là thành phố có chỉ số ô nhiễm không khí cao nhất thế giới*, <https://nhandan.vn/hom-nay-ha-noi-la-thanh-pho-co-chi-so-o-nhiem-khong-khi-cao-nhat-the-gioi-post854001.html>, ngày truy cập: 03-8-2025.
- [8] World Bank (2022), *Báo cáo mới của Nhóm Ngân hàng Thế giới đề xuất lộ trình để Việt Nam giải quyết các rủi ro khí hậu đồng thời duy trì tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ*, <https://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2022/07/01/new-world-bank-group-report-proposes-path-for-vietnam-to-address-climate-risks-while-sustaining-robust-economic-growth>, ngày truy cập: 03-08-2025.
- [9] Phương Nhi (2024), *Giải pháp trọng tâm đẩy mạnh tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2050*, <https://baochinhphu.vn/giai-phap-trong-tam-day-manh-tang-truong-xanh-giai-doan-2021-2030-tam-nhin-2050-102241209163321561.htm>, ngày truy cập: 04-08-2025.
- [10] Thu Thảo (2021), *Rác điện tử năm 2021 nặng hơn Vạn lý Trường thành*, <https://vnexpress.net/rac-dien-tu-nam-2021-nang-hon-van-ly-truong-thanh-4371504.html>, ngày truy cập: 01-08-2025.
- [11] UNESCO (2015), *Sustainable development*, <https://whc.unesco.org/en/glossary/375>, ngày truy cập: 01-8-2025.
- [12] 中国共产党 (2024), *中国共产党第二十届中央委员会第三次全体会议公报* (Tạm dịch: “Toàn văn Thông cáo Hội nghị Trung ương 3 khóa XX Đảng Cộng sản Trung Quốc”), https://www.gov.cn/yaowen/liebiao/202407/content_6963409.htm?menuid=197, ngày truy cập: 02-08-2025.